

PHÁC THẢO KINH TẾ SÔNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TS PHAN CÔNG KHANH

Học viện Chính trị khu vực IV

1. Đặt vấn đề

Kinh tế sông là một khái niệm được nói đến gần đây, sớm nhất có lẽ là trong phát biểu gợi ý của đồng chí Nguyễn Xuân Phúc (bây giờ với tư cách Thủ tướng Chính phủ) tại Hội nghị lần thứ III về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng biến đổi khí hậu ngày 13-3-2021 ở thành phố Cần Thơ. Cũng như các thuật ngữ *kinh tế biển*, *kinh tế rừng*, *kinh tế đêm*, *kinh tế vỉa hè*... *kinh tế sông* gồm từ “kinh tế” chỉ hoạt động kinh doanh (sản xuất, dịch vụ) và từ “sông” chỉ nguồn lực, không gian nơi hoạt động kinh doanh diễn ra. Nếu hiểu như vậy thì kinh tế sông đã có từ rất lâu. Người Việt có thành ngữ *Trên bến dưới thuyền*, *Cơm ghe bè bạn*. Nghề buôn thường gắn với hình ảnh tàu bè. Tục ngữ cũng có câu *Buôn tàu buôn bè, không bằng ăn dè hà tiện*. Trong các câu chuyện cổ tích, *Đông tiền Vạn Lịch* chẳng hạn, nhà buôn giàu có thường có hàng trăm chiếc thuyền buôn. Từ *lái buôn*, *môi lái*, hay *thương lái* có lẽ cũng có xuất xứ sông nước. Nói về thời bao cấp ở miền Nam, tiếng Việt có thành ngữ *ngăn sông cấm chợ* chứ không phải *ngăn đường cấm chợ*.

Miền Tây Nam bộ sông ngòi chằng chịt, có đến 28.600 km sông, kênh, rạch¹. Lịch sử phát triển vùng đất này gắn liền với sông nước theo nhiều nghĩa. Hàng trăm năm qua, đây là nguồn tài nguyên thiết yếu nhất, sau con người. Mọi thứ đặc trưng của vùng đất này đều sinh ra, phát triển và gắn liền với nguồn tài nguyên nước, từ con người cho đến kinh tế, văn hóa, quân sự; từ đi lại, kinh doanh, buôn bán,

kiếm sống cho đến văn hóa, văn nghệ, đánh giặc giữ nước. Đây là lẽ tự nhiên. Kinh tế sông truyền thống của đồng bằng sông Cửu Long có thể khái quát vào hai nghề chính: thương hồ và hạ bạc. Thương hồ là buôn bán trên sông còn hạ bạc là đánh bắt trên sông.

2. Kinh tế sông thời xưa

Nghề thương hồ

Nghề thương hồ đúng nghĩa là buôn bán trên sông rày đây mai đó. Có nhà nghiên cứu cho rằng nghề này khởi đi từ những chiếc ghe bầu vượt biển từ miền Trung vô Nam để bổ sung nguồn nhân lực, trong đó những ông thầy đồ, và vận chuyển những hàng hóa mà buổi đầu Đàng Trong chưa có. Hãy đọc bài “Về các lái”:

Ghe bầu các lái đi buôn

Đêm khuya ngồi buồn kể chuyện ngân nga

Bắt từ Gia Định kể ra

Anh em thuận hòa ngoài Huế kể vô

Trên thời ngồi lợp tòa đồ

Dưới sông thủy cát ra vô đập điu.

Theo đà tiến triển của khẩn hoang và điều kiện sông nước, nghề buôn bán trên ghe xuồng dần phát triển và đóng vai trò chính trong giao thương ở xóm làng Tây Nam bộ. Ghe hàng đi vào tận những làng xóm xa xôi hẻo lánh, buôn bán tất tẩn tận những gì phục vụ cho đời sống, từ gạo muối, khô mắm đến cây kim, cọng chỉ, vải vóc, quần áo, cuốc phăng, dao kéo, cá giống, cây giống... Dân cư làm nhà dọc theo sông. Vì vậy, ghe thương hồ cũng đi dọc các con sông lớn nhỏ để buôn bán hoặc mua nông sản,

gia súc, gia cầm mang về các chành, vựa hay các chợ đầu mối. Đi buôn thời xưa ở Tây Nam Bộ đồng nghĩa với buôn bán trên sông. Người trong nghề gọi là đạo: *Đạo nào vui bằng đạo đi buôn/ Xuông biển lên nguồn, gạo chợ nước sông*. Người xưa cũng nói “phi thương bất phú” nhưng nghề thương hồ có lẽ do yêu thích là chính vì lên đênh sông nước buôn bán nổi trôi nhỏ lẻ chẳng mấy khi giàu, như ca dao từng cảm cảnh: *Bim bịp kêu nước lớn anh ơi/ Buôn bán không lời chèo chông mối mê*.

Khi sản xuất nông nghiệp phát triển thì chợ nổi cũng phát triển theo. Người dân họp chợ ven sông và trên sông. Xuôi các nhánh sông Cửu Long là các đô thị sầm uất của miền Tây: Tân Châu, Hồng Ngự, Cao Lãnh, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Bến Tre (sông Tiền), Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ (sông Hậu). Kinh tế sông đã góp phần hình thành nên các đô thị. Nghề thương hồ góp phần hình thành nên chợ nổi - một kiểu họp chợ đặc trưng của vùng đất - như Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), An Hữu, Cái Bè (Tiền Giang), Ngã Năm, Trà Men (Sóc Trăng), Năm Căn, Thới Bình (Cà Mau)...

Chợ nổi là một hình ảnh của kinh tế thị trường ở miền Tây. Chợ khai thác sông rạch như đường giao thông, lấy mặt sông làm mặt chợ, lấy ghe xuồng làm phương tiện vận chuyển hàng hóa. Chợ nổi xưa chủ yếu mua bán si. Đây là chợ của người nông dân, của nông sản. Người nông dân, bằng xuồng ghe, đem nông sản bán cho thương lái rồi mua mắm muối, vật dụng thiết yếu cho đời sống và sản xuất. Những người bán lẻ thì tập trung về chợ lấy hàng từ các thương lái rồi sau đó toà đi theo các nhánh sông để buôn bán, tức là làm dịch vụ phân phối. Xuồng ghe tập nập, ghe buôn trồng cây bèo, bán món gì thì treo món ấy vạt vèo. Đây có lẽ là một cách quảng cáo sớm nhất trong lịch sử thương mại Việt Nam, đơn giản mà hiệu quả. Chợ đông đúc nhất là vào lúc trời còn chưa sáng để người đi chợ (chủ yếu là phụ nữ) ra về cho kịp một ngày làm đồng mới. Do điều này, đặc trưng của giao dịch thương mại chợ nổi là mua nhanh bán gọn, mua đứt bán đoạn, thuận mua vừa bán, dứt khoát. Nó phản ánh văn hóa và tính cách của người miền Tây. Từ đó, chợ nổi là trung tâm thương mại quan trọng nhất của kinh tế miền Tây ngày xưa. Nó là nơi kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản; kết nối

giữa công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp; kết nối đời sống kinh tế giữa nông thôn và đô thị. Chợ nổi là đặc thù của kinh tế sông, là thước đo trước hết của sản xuất nông nghiệp nội vùng, phản ánh sức sống và sức sản xuất của nông thôn. Đó là trái tim, là cơ chế vận hành của kinh tế nông nghiệp nội vùng miền Tây Nam bộ. Không có chợ nổi thì kinh tế nội vùng của nông thôn miền Tây không vận hành được. Các chợ nổi nổi tiếng mà chúng ta biết hiện nay chủ yếu là ở huyện lỵ. Tỉnh lỵ là nơi giao thông đường bộ khá phát triển nên không có chỗ cho chợ nổi. Cần Thơ cách Cái Răng khoảng 6 cây số nhưng chợ nổi thì chỉ ở Cái Răng (trước đó là ở Phong Điền) và chắc là không theo quy hoạch của cấp chính quyền nào thời xưa.

Như bất cứ hình thức họp chợ nào, chợ nổi không chỉ có buôn bán. Có nhiều loại kinh doanh, dịch vụ ăn theo buôn bán, cùng góp vào sự tấp nập của chợ nổi. Không chỉ có bán dưới sông mà cả ven bờ. Cái gì cần cho cuộc sống và sản xuất ở nông thôn đều có ở chợ nổi. Bập bênh trên sông nước nhưng chợ có quy luật của nó. Chợ tấp nập nhất vào đầu tháng và giữa tháng, khi mà con nước rong đầy vào sáng sớm do sức hút của mặt trăng, thuận lợi cho việc đi lại của ghe xuồng.

Nghề hạ bạc

Cho đến nay, chưa có sự thống nhất trong cách giải thích từ “hạ bạc”. Huỳnh Tịnh Của giải thích *hạ bạc* là “nghề bắt cá dưới sông”. *Dân hạ bạc* là “dân làm nghề chài lưới”². Nghề hạ bạc có ở khắp cả nước. Nhìn chung, đó là nghề không mấy khá giả. Ở nông thôn Tây Nam bộ khoảng 50 năm trước, không có nhà nào là không liên quan đến sông nước, từ sinh hoạt, tín ngưỡng, đi lại, vui chơi cho đến kể sinh nhai hàng ngày. Những gì liên quan đến kinh tế sông và nghề hạ bạc có thể tập hợp thành một bảo tàng sinh động về lịch sử và đời sống người Tây Nam bộ. Nhà nào cũng biết giăng câu, chài lưới. Gia đình nào cũng có vài ba dụng cụ chuyên dùng để bắt cá trên sông rạch sau nhà hay trước ngõ. Dụng cụ và cách thức giăng bắt thì vô cùng phong phú, như chính sự phong phú của các loài thủy sản. Câu thì có câu giăng, câu cắm, câu rê, câu nhấp, câu thọt... Lưỡi và môi câu chuyên cho từng loại cá, chẳng hạn lưỡi câu cá lòng tong khác lưỡi câu cá trê, lưỡi câu cá trê khác lưỡi câu cá sặc. Dụng cụ giăng

bắt cá trên sông ngoài lưới bèn thì có vó, nò, đày, sập, chà, đặng... Dụng cụ nhỏ hơn có trúm, lợp, lờ, chụp, nôm, đó... Thành ngữ có câu *Tham đó bỏ đặng*. Đây là tự cung tự cấp, nếu ăn không hết, người dân mang ra chợ bán kiếm chút ít tiền. Tôm cá xứ Nam Bộ xưa thì nhiều vô kể. Vì vậy mà có những người làm nghề đánh bắt. Mùa nước nổi, cá linh đông bằng gạ. Trên sông Cửu Long từng có nhiều loài cá quý hiếm, nặng trên trăm ký như cá hô, cá tra đầu... Ca dao miền Tây viết về sự giàu có của nguồn lợi thủy sản: *Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng/ Về sông ăn cá, về đồng ăn cua/ Bắt cua làm mắm cho chừa/ Gỏi về quê nội khỏi mua tốn tiền* hay *Ba phen qua nói với diều/ Cù lao ông Chương có nhiều cá tôm*. Nghề chế biến cũng ra đời. Tôm cá tiêu thụ không hết, người dân chế biến thành khô, mắm, nước mắm. Đặc trưng đẻ ra nghề đặc thù và nghề đặc thù lại tạo ra đặc sản. Những loại khô cá nổi tiếng như cá lóc, cá sặc, cá lờ tho, cá tra phồng, cá kèo... Thậm chí có cả khô rắn, khô nhái. Mắm thì có mắm cá lóc, cá sặc, cá linh, cá rô, cá mè, mắm tôm, mắm tép...

Do tôm cá tự nhiên dồi dào nên đảo nên nghề nuôi thủy sản chỉ có đôi với một vài loài đặc sản và chủ yếu cũng dựa vào tự nhiên. Một số vùng có nghề nuôi ốc gạo. Nghề nuôi vịt kê cả nuôi vịt chạy đồng thật ra cũng phải dựa vào những dòng sông. Chối vịt cắt ven sông, vịt đàn được thả ven sông ăn lục bình hay tôm tép khi chưa đến mùa gặt. Nuôi trồng thực vật thì khá phong phú, có ruộng sen, ruộng ấu, ruộng bông súng, ruộng bòn bòn, ruộng năng, ruộng lát, ruộng bèo (làm chiếu)... Đây là những đặc sản của vùng.

Liên quan đến kinh tế sông truyền thống còn có ngành vận tải. Vận chuyển lúa gạo, trái cây và cả hành khách ở miền Tây ngày trước chủ yếu dựa vào tuyến đường sông. Vì vậy mà các phương tiện vận tải thủy rất đa dạng: ghe, xà lan, tam bản, xuồng ba lá, tắc ráng, vỏ lãi, chèo... Vận chuyển khách thì có đò ngang, đò dọc. Những năm giữa thế kỷ trước có đò dọc đi từ Nam Vang (Nông Pênh) về các tỉnh đồng bằng miền Tây. Món hủ tiếu Nam Vang lừng danh có thể đã cập bến châu thổ đồng bằng sông Cửu Long theo những con đò dọc này. Về sau, những chuyến xe khách thay thế đò dọc được gọi là xe đò. Những nghề phụ trợ cho vận tải trên sông

cũng phát triển như nghề đóng ghe xuồng. Nhà nào cũng có chiếc xuồng ba lá như phương tiện đi lại, vận chuyển thiết yếu. Nông nghiệp của đồng bằng sông Cửu Long, về một phương diện nào đó, cũng có thể xem là thuộc về kinh tế sông. Những cù lao xanh tốt được bồi đắp bởi phù sa sông. Mỗi năm, sông Cửu Long chuyên chở khoảng 150 triệu tấn phù sa bồi đắp cho châu thổ, chống sạt lở ven biển. Sông cung cấp nước ngọt cho đồng ruộng. Sông cung cấp cát cho các công trình xây dựng. Sông là người kiến tạo tất cả, từ tự nhiên cho đến con người.

Hàng trăm năm qua, sông như bầu sữa mẹ, nuôi đất đai bờ bãi, nuôi cây cối ruộng vườn, nuôi con người, nuôi biết bao cô gái miệt vườn miệt rẫy rồi trao cho những chàng trai nông dân chân chất để họ yêu nhau, sinh con đẻ cái và sinh sôi của cải. Sông nuôi câu hò, điệu hát, nuôi câu vọng cổ, sông đưa con sáo qua sông, đưa con ngựa ô về tận Mũi đất cuối cùng của Tổ quốc. Sông nuôi cả nền văn hóa đồng bằng. Gánh hát cải lương, hò quảng xưa đi bằng ghe đến các xóm làng. Một trong những yếu tố giúp cho âm sắc của giọng nói cả vùng Nam Bộ về cơ bản không khác nhau là do những dòng sông. Nghề thương hồ, câu vọng cổ khiến cho không vùng đất nào bị tách biệt. Bầu sữa ấy đang teo tóp dần. Sức khỏe của sông là sức khỏe của kinh tế, là sức khỏe của con người, của văn hóa. Sinh thời, nhà văn Sơn Nam cho rằng, không có nghề thương hồ - không có Nam Bộ. Mượn lời ông già Nam Bộ này, xin được nói thêm: không có sông nước thì không có miền Tây Nam Bộ, từ con người đến kinh tế, văn hóa. Sinh mệnh của những dòng sông là sinh mệnh của vùng đất này. Cứu lấy dòng sông là cứu lấy đồng bằng.

3. Kinh tế sông hiện nay và trong tương lai

Kinh tế sông hiện nay đã phát triển và mở rộng hơn rất nhiều. Một số ngành nghề không còn, nhường chỗ cho một số ngành nghề mới. Nghề thương hồ thưa vắng dần. Vận tải hành khách trên sông đã bị thay thế hoàn toàn bằng vận tải trên bộ. Đầu tư cho bến bãi và nạo vét luồng rạch không đủ để vận tải trên sông hấp dẫn các doanh nghiệp. Nghề hạ bạc cũng biến mất. Trong khi đó, chợ nổi, từ chỗ là nơi buôn bán thì giờ đã phát triển thêm dịch vụ du lịch, thậm chí du lịch trở thành hoạt động chính. Và điều này có thể là một nguy cơ đe dọa sự tồn tại của chợ

nôi. Một số nghề phát triển mạnh như dịch vụ du lịch trên sông, nghề nuôi cá bè... Nghề nuôi cá da trơn đã thay đổi số phận của rất nhiều gia đình. Câu chuyện nuôi con gì, trồng cây gì hóa ra thật đơn giản ở vùng đất này nếu tìm được đầu ra quốc tế cho sản phẩm. Cá da trơn đi sang Mỹ càng nhiều thì càng ít những cô gái đi sang Đài Loan, Hàn Quốc tìm cơ hội đổi đời. Đó là một sự thật nửa ngọt ngào và nửa cay đắng. Ngọt ngào vì có lời giải đáp cho một vấn đề xã hội như một thời, cay đắng vì lời giải đáp ấy nằm ngay trong lòng sông và tầm nhìn của con người nhưng được phát hiện quá muộn. Vì vậy, tôi cũng tin rằng, càng nhiều sản phẩm COOP của vùng đất này được thị trường chấp nhận thì càng ít trẻ em bỏ học, càng ít người dân đồng bằng phải tha phương cầu thực. Đó việc đang diễn ra ở Đồng Tháp, An Giang...

Khoảng 10 năm trở lại đây, kinh tế sông ở Đồng bằng sông Cửu Long gặp nhiều khó khăn do mùa lũ thưa vắng dần, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng... Gần đây là do tác động của Covid-19. Nạn nhân rõ nhất là ngành du lịch. Đồng bằng sông Cửu Long mà không có lũ thì phải xem là một loại thiên tai. Đây là nhận định cô đọng và đầy đủ nhất về tai họa đối với Đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, nghề nuôi trồng thủy sản khiến nguồn nước ô nhiễm. Nạn khai thác nước ngầm vô tội vạ khiến trữ lượng nước ngầm sụt giảm nghiêm trọng khiến nhiều đô thị bị sụp lún dần. Nước thượng nguồn bị các đập thủy điện giữ lại, giữ cả phù sa, trầm tích, cát sông và triệt hạ luôn bầu sữa nuôi dưỡng đồng bằng, đe dọa sinh kế của hàng triệu người. Bên cạnh đó, nước biển dâng cũng khiến những vườn cây trĩu quả của Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng... bị bức tử dần. Cây khô héo thì người cũng khô héo và phải bỏ xứ ra đi.

Hàng nửa thế kỷ nay, sự phát triển ở đồng bằng là không bền vững, xét trên cả ba khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Phát triển kinh tế sông, cứu lấy những dòng sông không chỉ là chuyện dưới sông là còn là chuyện trên bờ và chủ yếu là chuyện trên bờ. Cái thiếu của đồng bằng, liệu thuốc cho kinh tế sông của đồng bằng, cũng giống như các vùng đất khác, là thể chế, hạ tầng và nguồn nhân lực. Yêu cầu cơ bản đối với thể chế là giải phóng nguồn lực, tập hợp nguồn lực, gia tăng nguồn lực và khai thác hiệu quả

nhất mọi nguồn lực. Đối với kinh tế sông của Đồng bằng sông Cửu Long, cần tháo gỡ vướng mắc để thúc đẩy các nguồn lực về giáo dục, khoa học, công nghệ, đất đai, liên kết vùng, đầu tư nước ngoài, hội nhập thương mại... Yêu cầu cơ bản đối với hạ tầng mà trước hết là hạ tầng giao thông là phải thông suốt, thuận tiện, an toàn, nhanh chóng và liên kết, hỗ trợ giữa các loại hình vận tải. C.Mác dạy lưu thông phân phối kết nối sản xuất và tiêu dùng. Một trong những việc đầu tiên mà người Pháp làm để khai thác thuộc địa là xây dựng cầu, làm đường, đào kênh. Kẹt xe triền miên thì có nghĩa là sự vận hành của nền kinh tế đang bị kẹt trên các tuyến đường, nghĩa là sản xuất và tiêu dùng đang phải ngóng chờ nhau. Không đi thì không bao giờ tới nhưng không có đường, đường không thuận tiện thì không bao giờ có thể đi. Sân bay quốc tế Cần Thơ không thể tập nập chỉ với một lời kêu gọi dù là rất tha thiết và âm vang: cán bộ và nhân dân hãy đi sân bay Cần Thơ. Nước bọt và nhiệt tình suông không động viên được số đông. Yêu cầu cơ bản đối với nguồn nhân lực là phải thúc đẩy giáo dục. Chia khóa nằm ở chính sách không chỉ đối với thầy cô giáo mà cả gia đình, con cái của họ. Tôi mơ ước 50 năm ngày thống nhất đất nước, phụ huynh ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng như cả nước, không phải đóng học phí cho con em cho đến lớp 9; các nhà viết sách giáo khoa cho cấp 1 và 2 thất nghiệp khoảng 1/5; hội phụ huynh không bị gọi là hội phụ thu; học trò được như lời Bác Hồ dạy; học trò ở Đồng bằng sông Cửu Long được dạy về kinh tế sông, kinh tế xanh, bảo quản nguồn nước, bảo vệ môi trường...

Tôi cũng mơ ước một ngày không xa, hệ thống sông Cửu Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. Hàng trăm năm trước, con người nương tựa vào sông thì hàng trăm năm sau cũng vậy, trừ khi con người quay lưng phụ bạc nó. Như Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2-4-2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về *phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* nhấn mạnh: con người là trung tâm, nước là tài nguyên thiết yếu, dù đó là nước ngọt hay nước lợ, nước mặn. Nói theo cách người miền Tây: có chi dùng nấy, liệu cơm gắp mắm. Sông Cửu Long hiền

Xem tiếp trang 69

của nó... Làm sao đó để nhận thức rằng: bảo tồn, phát huy di sản văn hóa là sự tiếp nối chứ không phải giết chết di sản hay làm mất gốc di sản. Đó là một quá trình tạo ra sức sống mới cho di sản khi thời đại đã thay đổi nhưng vẫn còn nhìn thấy được bản sắc. Sức sống đó mang hệ thống giá trị mới kế tiếp với hệ thống giá trị cũ để tiếp tục tồn tại và phát huy, đem lại lợi ích kinh tế xã hội cho con người. Khi di sản không chết và vẫn đem lại lợi ích, đặc biệt là lợi ích kinh tế thiết thực, tự khắc nó sẽ được các nhà đầu tư và cộng đồng người dân quan tâm, bảo vệ và tìm cách gia tăng lợi ích. Bài toán du lịch di sản cũng từ đó mà thực sự được giải quyết.

Một nguyên nhân nữa là chưa khuyến khích và thu hút được sự tham gia rộng rãi trong xã hội (đặc biệt là sự tham gia của người dân tại khu vực di sản) trong việc đầu tư xây dựng sản phẩm du lịch và cơ chế phân chia lợi ích tại các di sản văn hóa. Cộng đồng (người dân địa phương tại khu vực di sản) là chủ thể của di sản cũng đồng thời là người có trách nhiệm duy trì, bảo vệ và phát huy di sản để trở thành

các sản phẩm du lịch hấp dẫn, mang nét đặc thù địa phương. Nói một cách khác, cộng đồng là yếu tố tài nguyên nhân văn rất quan trọng, thể hiện phần *Hồn của di sản*. Để nâng cao và gắn kết vai trò của cộng đồng trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị di sản, vấn đề cốt lõi là phải đem lại được lợi ích thiết thực cho người dân từ việc khai thác di sản, qua đó nhận thức của người dân sẽ thay đổi, họ sẽ chủ động tham gia vào quá trình bảo tồn và khai thác di sản một cách hiệu quả và bền vững. Sự đồng thuận và tham gia ủng hộ của người dân chính là nhân tố quan trọng quyết định tính khả thi của quy hoạch và các kế hoạch phát triển du lịch tại di sản. Khi lợi ích đến với người dân, thì việc gìn giữ và phát huy di sản sẽ không còn là nhiệm vụ của Nhà nước mà đã được xã hội hóa tích cực bởi sự tham gia của cộng đồng.

1. Lưu Hương: *Hội An sẵn sàng cho lễ khai mạc Năm du lịch quốc gia 2022*. Báo điện tử Chính phủ ngày 3-3-2022
2. Mỹ Lệ: *Văn hóa ẩm thực: Tiềm năng khai thác du lịch*. <http://hoianrt.vn/tin-tuc/du-lich-su-kien/van-hoa-am-thuc-tiem-nang-khai-thac-du-lich.html> (27-1-2020).

PHÁC THẢO KINH TẾ SÔNG Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tiếp theo trang 33

hòa, xinh đẹp đã bị đô thị hóa, công nghiệp hóa làm suy giảm đi ít nhiều. Kinh tế sông phải giúp sông Cửu Long đẹp hơn, sạch hơn và đáng yêu hơn.

Tôi cũng mơ ước một mô hình 3 chữ S cho kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long, gồm: sông, số và sạch. Sông là khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên, nguồn lực liên quan đến sông, trong đó nước là cốt lõi. Kinh tế sông cũng gắn kết với kinh tế biển và kinh tế du lịch. Số hóa là xu hướng chung của kinh tế thế giới và cũng là bắt buộc. Sạch tức xanh, tức là ứng dụng khoa học và công nghệ để phát triển nông nghiệp xanh, sạch nhằm bảo vệ môi trường.

Gần đây Đảng và Nhà nước có nhiều quyết sách quan trọng đối với đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17-11-2017 của Bộ Chính trị về *Phát triển bền vững đồng bằng*

sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2-4-2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về *phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Các nghị quyết này là cơ hội cho đồng bằng sông Cửu Long. Nếu được đầu tư một cách đúng mức theo tinh thần của các nghị quyết, không quá 20 năm, đồng bằng sông Cửu Long không thể không giàu có. Và sự giàu có phải bắt đầu từ kinh tế sông, như hàng trăm năm trước.

1. Trong đó có khoảng 13.000 km có khả năng khai thác vận tải (sâu trên 1m).
2. Huỳnh Tịnh Paulus Của: *Đại Nam Quốc âm tự vị*, Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang và Nxb Tổng hợp TP HCM, 2017, tr. 395.